

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2019

“V/v: Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thêm.

2. Ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28/3/2019 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/HNGĐ - QĐXX, ngày 18/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị H - sinh năm: 1996, có mặt.

HKTT: Thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

Trú tại: Thôn Y xã V huyện K tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* Anh Chu Văn T - sinh năm: 1992, vắng mặt

HKTT, trú tại: thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

3. *Người làm chứng:*

Bà Bùi Thị A - sinh năm 1974, có mặt.

Trú tại: Thôn Y xã V huyện K tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Chu Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu trong thời gian khoảng 02 tháng và tự nguyện đến với nhau, không bị ép buộc. Anh, chị đã được UBND xã C đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2016.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu và về chung sống với anh T tại thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, bình thường, cho đến đầu năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng tìm hiểu trong thời gian ngắn nên khi về chung sống phát sinh nhiều bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến cuộc sống không thể hòa hợp, anh T thường hay ghen tuông vô cớ, mặt khác vợ chồng lấy nhau trong thời gian dài mà không có con nên cuộc sống càng trở lên áp lực, do không thể chịu đựng nên đến cuối năm 2017, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Y xã V sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, kể từ khi ly thân cả hai không quan tâm, không tìm gặp và đều không có nguyện vọng đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về T sản chung; công nợ chung của vợ chồng; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình và đất canh tác nông nghiệp 03 của chị H, anh T: Không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2019, người làm chứng bà Bùi Thị A trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Phan Thị H, sinh năm 1996, hiện đang sinh sống tại thôn Y xã V huyện K tỉnh Hưng Yên.

Năm 2016, gia đình bà tổ chức cho chị Phan Thị H kết hôn cùng anh Chu Văn T, sinh năm 1992, quê quán tại thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và có tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, chị H chuyển khẩu và về chung sống cùng anh T tại thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

Thời gian đầu vợ chồng chị H chung sống bình thường, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay, gia đình đã nhiều lần động viên, thuyết phục để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H cương quyết không quay lại. Nay chị H xin ly hôn anh T, tùy chị H và Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, vợ chồng anh, chị chưa có con chung. Ngoài ra bà A còn cho biết quan điểm về các vấn đề liên quan đến vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/5/2019, người làm chứng ông Chu Văn Gắng trình bày: Ông là chú ruột của anh Chu Văn T, sinh năm 1976 và sống gần nhà anh T tại thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

Năm 2016, gia đình anh trai ông có tổ chức xây dựng cho anh Chu Văn T kết hôn cùng chị Phan Thị H, sinh năm 1996, quê quán tại thôn Y xã V huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và có tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau khi kết hôn, chị H chuyển khẩu và về chung sống cùng anh T tại thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

Quá trình chung sống, nguyên nhân và diễn biến mâu thuẫn như thế nào ông không nắm rõ, chỉ biết khoảng đầu năm 2018, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, kể từ đó đến nay không thấy chị H quay lại nhà anh T, vợ chồng mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, anh T cũng chỉ nói với ông việc vợ chồng anh không thể chung sống cùng nhau. Hiện anh T đi làm ăn nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà.

Qua xác minh ngày 02/5/2019 được chính quyền địa phương cung cấp vợ chồng anh T, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 29/01/2016, sau khi cưới, chị H chuyển khẩu và về chung sống với anh T tại thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, diễn biến và nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày, anh chị cũng đã ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay, hiện chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng anh, chị chưa có con chung. Việc chị H xin được ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. UBND xã nhiều lần nhận được văn bản của Tòa án về việc thông báo, triệu tập anh T đến Tòa án làm việc, UBND xã cũng đã tổng đạt cho anh T theo quy định, anh T biết việc chị H xin ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết nhưng anh T có đến Tòa án làm việc không, UBND xã không nắm rõ.

Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã nhiều lần báo triệu tập và thông báo đến tham gia giải quyết vụ án và đã hai lần thông báo và báo triệu tập anh T đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Phan Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu xin ly hôn và các quan hệ liên quan như đã khai tại Tòa án trước đây.

- Người làm chứng, bà Bùi Thị A có quan điểm về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H là do anh, chị lấy nhau đã lâu nhưng không có con, anh T hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau, thực tế chị H không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án cho chị H được ly hôn với anh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn vắng mặt không tuân theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Chu Văn T. Về con chung, vợ chồng chưa có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về T sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị H, anh T đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 21/3/2019, chị Phan Thị H có đơn khởi kiện anh Chu Văn T, xin được ly hôn và các vấn đề có liên quan, anh Chu Văn T có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn X xã C huyện K tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Chu Văn T và chị Phan Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã C huyện K tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2016. Do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, đã sống ly thân, cả hai không tìm gặp, không còn quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống hạnh phúc gia đình đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị H được ly hôn với anh T để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung:* Vợ chồng anh T, chị H chưa có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về T sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Do chị H không yêu cầu và anh T vắng mặt, chưa có ý kiến và yêu cầu phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

5. *Về án phí:* Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Chu Văn T.

2. *Về T sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Không đặt ra giải quyết. Khi nào chị Phan Thị H, anh Chu Văn T có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí:* Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai số 0001147, ngày 28/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/8/2019). Bị đơn (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã C, xã V;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trĩnh